TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VT** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 13/02/2025
"V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VT, TỈNH VĨNH PHÚC

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Thanh H;

2. Ông Phùng Văn Thông;

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hải Yến – Thư ký Toà án nhân dân huyện VT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VT tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 326/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2024, về việc Tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1991, (vắng mặt);

Nơi cư trú: thôn HT, xã ĐT, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc;

- *Bị đơn*: Chị Lê Thị H, sinh năm 1999, (vắng mặt);

Nơi cư trú: Khu 7, thị trấn TT, huyện VT,Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 10 năm 2024, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh L trình bày: anh và chị Lê Thị H kết hôn ngày 21/4/2017, đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐT, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn chị H về chung sống cùng gia đình anh L tại xã ĐT. Quá trình vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, vợ chồng đã nhiều lần cùng nhau nói chuyện để hoà giải nhưng không được mà mâu thẫu vợ chồng ngày càng trần trọng hơn. Tháng 12/2018 chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thị trấn TT sinh sống, vợ chồng anh sống ly thân từ đó

cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng anh ly thân hai gia đình không hoà giải để vợ chồng về đoàn tụ, thời gian đầu anh có liên lạc để hoà giải mong muốn chị H về đoàn tụ chung sống nhưng chị H không đồng ý. Nay anh xác định anh không còn tình cảm với chị H, anh xin được ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng anh không có con chung, không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn chị Lê Thị H vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà. Quá trình làm việc với bà Lê Thị M (mẹ đẻ chị H) cho biết: Chị H và anh L đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐT, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau ngày cưới chị H về chung sống cùng gia đình anh L khoảng 04 tháng thì chị H đi làm ăn xa nên vợ chồng mâu thuẫn, anh L và chị H đã sống ly thân nhiều năm nay. Chị đi làm ở đâu, cụ thể như thế nào bà không rõ, chị H chỉ liên hệ với bà qua mạng zalo. Bà có thông báo cho chị H về việc Toà án gửi thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho chị đến Toà án để giải quyết việc anh L xin ly hôn chị, chị H cho biết chị đi làm ăn xa không về Toà án nhân dân huyện VT để giải quyết vụ án được, chị cũng xác định chị không còn tình cảm với anh L, chị đồng ý ly hôn với anh L và chị đề nghị Toà án giải quyết vụ án vắng mặt chị. Chị H và anh L không có con chung. Về tài sản công nợ của vợ chồng chị H như thế nào bà không rõ, khi chị H kết hôn với anh L bà có cho anh chị 02 chỉ vàng 9999 và 01 xe máy wave đây là tài sản chung của anh chị, khi nào chị H đề nghị thì giải quyết bằng vụ án khác.

Biên bản xác minh ngày 03/12/2024 tại UBND xã ĐT, huyện TD thể hiện: Anh L và chị H đăng ký kết hôn ngày 21/4/2017 tại UBND xã ĐT, huyện TD trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn chị H về chung sống cùng gia đình anh L tại thôn HT, xã ĐT. Nguyễn nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh chị địa pH không rõ, hiện nay chị H không còn ở cùng với anh L. Anh L xin ly hôn chị H đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng anh L và chị H không có con chung. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ của anh chị địa pH không rõ.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VT phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình nhận đơn, thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện VT không có yêu cầu hay kiến nghị gì và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia

đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn L. Xử cho anh Nguyễn Văn L được ly hôn chị Lê Thị H.

Về án phí ly hôn sơ thẩm đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn L khởi kiện xin ly hôn chị Lê Thị H. Bị đơn chị H có nơi cư trú tại khu 7, thị trấn VT, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn chị Lê Thị H vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do, anh L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị H là hôn nhân hợp pháp, được UBND xã ĐT, huyện TD đăng ký kết hôn. Anh L và chị H chung sống với nhau được thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhiều năm không ai quan tâm đến ai. Anh L và chị H đều xác định vợ chồng không còn tình cảm, anh L xin ly hôn, chị H đồng ý ly hôn với anh L. Do vậy, đề nghị xin ly hôn của anh L là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng anh chị không có con chung nên không xem xét.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh L không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị H vắng mặt nên không có lời khai và đề nghị của chị H. Khi nào chị H có yêu cầu về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức thì giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: anh L phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử: Cho anh Nguyễn Văn L được ly hôn chị Lê Thị H.

2/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: anh Nguyễn Văn L phải chịu 300.000đ án phí được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0005188 ngày 06/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự VT. Anh L đã nộp đủ án phí.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện VT;
- Chi cụcTHADS huyện VT;
- Các đương sự;
- UBND xã ĐT, TD;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Huyền